

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 7 năm 2024
“*V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH- TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Tiến Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Phương Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ba L, sinh ngày 25/6/1990; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh V, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Trung T, sinh ngày 16/01/1986; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02/3/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ba L trình bày:

Chị và anh Lê Trung T kết hôn ngày 20/02/2009, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L. Sau khi kết hôn, chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh T. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T ngoại tình từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 2 con chung là Lê Tuấn H, sinh ngày 10/11/2012 và Lê Trung D, sinh ngày 15/01/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở với gia đình anh T. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu Lê Trung D, để anh T được nuôi cháu Lê Tuấn H; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Trung T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai đề ngày 25/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Trung T trình bày: Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời điểm sống ly thân như chị L trình bày là đúng. Nhưng theo anh nguyên nhân mâu thuẫn do anh đi làm ăn xa nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau ngoại tình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn như trước nhưng anh vẫn xin được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh xin trực tiếp nuôi cháu Lê Tuấn H, để chị L trực tiếp nuôi cháu Lê Trung D; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của chị L trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Anh Lê Trung T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị L được ly hôn anh T; giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dũng, giao cho anh T được nuôi dưỡng cháu H và xác nhận sự tự nguyện của chị Lê, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do chị L, anh T không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí: chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ba L và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn là anh Lê Trung T có địa chỉ tại xã Hợp Lý, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là anh Lê Trung T nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ba L và anh Lê Trung T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, nghi ngờ nhau ngoại tình, không bảo ban được nhau, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, xin ly hôn anh T; anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn như trước, nhưng xin đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy các con.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, đã có thời gian ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh T nhiều lần để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh T đều vắng

mặt không có lý do, không có biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, mục đích xin đoàn tụ là để nuôi dạy con chung. Điều đó, phần nào thể hiện việc anh T xin đoàn tụ là không thực tâm, việc xin đoàn tụ chỉ nhằm kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của chị L về việc nuôi con chung thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên của chị L và anh T là như nhau, nhưng xét yêu cầu các bên cũng như nguyện vọng của con chưa thành niên từ đủ 7 tuổi (nguyện vọng của cháu Lê Tuấn H là được ở cùng anh T, cháu Lê Trung D là được ở cùng chị L) nên cần giao cho chị L trực tiếp nuôi cháu Lê Trung D, giao anh T trực tiếp nuôi cháu Lê Tuấn H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L, anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị L, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ba L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ba L được ly hôn anh Lê Trung T.

Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Trung D, sinh ngày 15/01/2014; giao cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Tuấn H, sinh ngày 10/11/2012. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị L, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ba L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ

theo biên lai số 0000248 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị L có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- THA Lập Thạch;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga